

Số: 573...../QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 25 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
Đại học liên thông từ cao đẳng - Khóa 6 và sinh viên chậm tiến độ khóa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-LĐTBXH ngày 01/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-ĐHSPKTND ngày 08/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 11/6/2014 của Hội đồng xét tốt nghiệp về việc xét tốt nghiệp cho sinh viên Đại học liên thông từ cao đẳng - Khóa 6 và sinh viên chậm tiến độ khóa học;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 224 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|--|--------|
| 1. Đại học liên thông từ cao đẳng - Khóa 6: | 218 SV |
| 2. Đại học kỹ thuật - Khóa 4, Đại học liên thông từ cao đẳng-
Khóa 5 chậm tiến độ khóa học: | 06 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 05 sinh viên Cao đẳng - Khóa 13 chậm tiến độ khóa học (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Chưa công nhận tốt nghiệp cho 14 sinh viên Đại học liên thông từ cao đẳng-Khóa 6 vì chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định (có danh sách kèm theo).

Điều 4. Chưa công nhận tốt nghiệp cho 01 sinh viên Đại học liên thông từ cao đẳng nghề - Khóa 1 và 02 sinh viên Cao đẳng – Khóa 13 vì lý do chưa đóng đủ các khoản thu theo quy định (có danh sách kèm theo).

Điều 5. Các phòng: Đào tạo, Công tác HSSV, KT&ĐBCL, KT-TC; các khoa: Điện-Điện tử, Cơ khí, Công nghệ thông tin; sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 và Điều 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *se*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT, Đào tạo (5 bộ) *huc*



HIỆU TRƯỞNG

Phan Sỹ Nghĩa
★ **TS. Phan Sỹ Nghĩa**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG - KHÓA 6

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

*(Kèm theo Quyết định số 5.73./QĐ-ĐHSPKTND ngày 25 tháng 6 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)*

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (chuyên ngành đào tạo)	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	12L2010001	Phạm Thị Thúy An	02/03/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,85	0,0	Không	Khá
2	12L2010002	Đặng Hoàng Anh	07/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,72	0,0	Không	Khá
3	12L2010003	Đinh Vạn Tuấn Anh	20/10/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,68	0,0	Không	Khá
4	12L2010004	Phạm Thế Anh	24/09/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	0,0	Không	Khá
5	12L2010006	Lê Thị Ngọc Bích	06/05/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,02	0,0	Không	Khá
6	12L2010007	Nguyễn Thanh Bình	05/11/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,04	0,0	Không	Khá
7	12L2010008	Vũ Thị Cúc	06/05/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,89	0,0	Không	Khá
8	12L2010009	Nguyễn Mạnh Cường	17/05/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,15	0,0	Không	Khá
9	12L2010010	Vũ Quang Doanh	09/08/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,98	0,0	Không	Khá
10	12L2010011	Trần Thu Dung	23/11/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,91	0,0	Không	Khá
11	12L2010012	Ngô Quang Duy	17/07/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,91	0,0	Không	Khá
12	12L2010013	Phạm Trọng Duy	04/11/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,64	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	12L2010014	Nguyễn Thị	Gấm	20/11/1991	Nữ	Thái Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,0	Không	Khá
14	12L2010015	Vũ Thị Hương	Giang	12/07/1986	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,45	0,0	Không	Giỏi
15	12L2010016	Phạm Hoàng	Giao	17/10/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,0	Không	Khá
16	12L2010017	Đặng Thu	Hà	22/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,70	0,0	Không	Khá
17	12L2010018	Trần Thị	Hà	14/09/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,57	0,0	Không	Khá
18	12L2010019	Nguyễn Thị	Hải	10/07/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,0	Không	Trung bình
19	12L2010020	Nguyễn Thị	Hằng	28/04/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,87	0,0	Không	Khá
20	12L2010021	Phạm Thị	Hạnh	20/01/1991	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,30	0,0	Không	Giỏi
21	12L2010022	Mai Thu	Hiền	06/10/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,0	Không	Giỏi
22	12L2010023	Nguyễn Thị	Hiền	30/03/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,53	0,0	Không	Khá
23	12L2010025	Đầu Vũ Thái	Hòa	10/06/1986	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,77	0,0	Không	Khá
24	12L2010026	Hoàng Mai	Hùng	12/08/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,77	0,0	Không	Khá
25	12L2010027	Trần Quốc	Hung	09/01/1985	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	6,4	Không	Khá
26	12L2010028	Đặng Thị	Hương	21/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,30	0,0	Không	Giỏi
27	12L2010029	Nguyễn Thị	Hương	26/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,28	0,0	Không	Giỏi
28	12L2010030	Tạ Minh	Khôi	25/03/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,81	0,0	Không	Khá
29	12L2010031	Thịnh Đức	Khởi	04/02/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,09	0,0	Không	Khá
30	12L2010032	Trần Thị	Lương	15/02/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,43	0,0	Không	Trung bình
31	12L2010033	Nguyễn Đình	Mạnh	07/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,06	0,0	Không	Khá
32	12L2010034	Lê Thị Thanh	Minh	18/04/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,0	Không	Khá
33	12L2010035	Trương Quang	Minh	30/05/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,40	6,4	Không	Trung bình
34	12L2010036	Trần Văn	Nam	28/08/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,0	Không	Khá
35	12L2010037	Ngô Thị	Nga	04/08/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,64	6,4	Không	Khá
36	12L2010038	Trần Thị	Nhàn	31/10/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,0	Không	Khá
37	12L2010039	Nguyễn Thị	Oanh	09/08/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,36	0,0	Không	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
38	12L2010040	Đinh Hồng	Phong	12/08/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,28	0,0	Không	Trung bình
39	12L2010041	Phạm Thị	Phượng	26/06/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,98	0,0	Không	Khá
40	12L2010042	Trần Thị	Quy	06/03/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,0	Không	Khá
41	12L2010043	Hà Khánh	Quỳnh	17/03/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,68	0,0	Không	Khá
42	12L2010044	Vũ Ngọc	San	23/10/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,04	6,4	Không	Khá
43	12L2010045	Đỗ Văn	Sỹ	15/05/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	6,4	Không	Khá
44	12L2010046	Trần Văn	Thành	25/06/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,57	0,0	Không	Khá
45	12L2010047	Bùi Văn	Thế	27/11/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,85	0,0	Không	Khá
46	12L2010048	Nguyễn Thị	Thùy	10/04/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,38	0,0	Không	Giỏi
47	12L2010049	Nguyễn Thị	Tinh	10/06/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,09	0,0	Không	Khá
48	12L2010050	Trần Viết	Toán	04/10/1986	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,0	Không	Trung bình
49	12L2010051	Phạm Mạnh	Toàn	17/02/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,00	4,3	Không	Khá
50	12L2010052	Trần Minh	Trang	17/10/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,62	0,0	Không	Khá
51	12L2010053	Trần Thị	Trang	22/05/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,77	0,0	Không	Xuất sắc
52	12L2010054	Lê Đức	Trung	11/11/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,96	0,0	Không	Khá
53	12L2010055	Nguyễn Anh	Tú	27/05/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
54	12L2010056	Trần Danh	Tuân	04/05/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,11	0,0	Không	Khá
55	12L2010057	Trịnh Quốc	Tuấn	22/06/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,53	4,3	Không	Khá
56	12L2010058	Trần Thanh	Vân	12/11/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,79	0,0	Không	Xuất sắc
57	12L2010059	Lại Quang	Vượng	01/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,09	0,0	Không	Trung bình
58	12L2010061	Trần Thị Lan	Chi	27/12/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,60	0,0	Không	Khá
59	12L2010063	Phạm Tuấn	Cường	29/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,30	0,0	Không	Trung bình
60	12L2010064	Nguyễn Thị	Dịu	20/02/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,89	0,0	Không	Khá
61	12L2010065	Chu Đức	Đạt	29/10/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,72	0,0	Không	Khá
62	12L2010070	Trần Huy	Hà	14/09/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,55	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
63	12L2010071	Nguyễn Thị Thanh Hải	17/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	0,0	Không	Khá
64	12L2010072	Trần Thị Thu Hằng	11/12/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,57	6,4	Không	Khá
65	12L2010074	Nguyễn Ích Hoàn	02/08/1989	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,66	0,0	Không	Xuất sắc
66	12L2010076	Nguyễn Thị Huê	16/10/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,70	0,0	Không	Xuất sắc
67	12L2010077	Trần Thị Thu Hương	04/02/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,89	0,0	Không	Khá
68	12L2010078	Hà Quang Huy	31/07/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,79	0,0	Không	Xuất sắc
69	12L2010079	Hoàng Diệu Huyền	12/01/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,47	0,0	Không	Giỏi
70	12L2010080	Bùi Văn Kham	06/02/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,81	0,0	Không	Khá
71	12L2010081	Đặng Văn Kiện	29/07/1987	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,91	4,3	Không	Khá
72	12L2010082	Trần Văn Lễ	28/08/1986	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	0,0	Không	Khá
73	12L2010083	Quách Thị Thùy Linh	14/04/1988	Nữ	Quảng Ninh	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,60	0,0	Không	Xuất sắc
74	12L2010084	Trần Thị Thùy Linh	05/11/1989	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,83	0,0	Không	Khá
75	12L2010085	Trịnh Thị Luyến	20/05/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,72	0,0	Không	Khá
76	12L2010086	Trương Thị Ly	04/09/1987	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,81	0,0	Không	Khá
77	12L2010087	Nguyễn Thị Mai	25/07/1991	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,89	0,0	Không	Khá
78	12L2010088	Phạm Thị Kim Mai	01/02/1991	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,21	0,0	Không	Giỏi
79	12L2010089	Vũ Thị Mai	19/11/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	0,0	Không	Khá
80	12L2010090	Đỗ Thị Mến	19/12/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	0,0	Không	Khá
81	12L2010091	Vũ Hoàng Minh	10/05/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,74	4,3	Không	Khá
82	12L2010092	Phạm Việt Nga	02/10/1989	Nữ	Hải Dương	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,32	0,0	Không	Trung bình
83	12L2010093	Trần Hữu Nhân	10/07/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,0	Không	Khá
84	12L2010094	Lê Thị Oanh	05/06/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,38	0,0	Không	Giỏi
85	12L2010095	Vũ Thị Phương	15/08/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,17	0,0	Không	Khá
86	12L2010096	Đỗ Thị Quế	02/06/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,81	0,0	Không	Khá
87	12L2010097	Nguyễn Thị Sâm	24/03/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,60	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
88	12L2010098	Đặng Văn	Son	23/02/1985	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,45	0,0	Không	Trung bình
89	12L2010099	Trần Đức	Son	05/02/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,0	Không	Khá
90	12L2010100	Nguyễn Thị Liên	Tâm	02/08/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,53	0,0	Không	Khá
91	12L2010101	Lại Thị	Thắm	09/02/1991	Nữ	Thái Bình	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,45	0,0	Không	Trung bình
92	12L2010102	Hoàng Mạnh	Thắng	11/05/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,0	Không	Khá
93	12L2010103	Trần Văn	Thường	23/05/1981	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,43	0,0	Không	Trung bình
94	12L2010104	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10/09/1987	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,30	0,0	Không	Giỏi
95	12L2010105	Lưu Văn	Tới	09/10/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,34	0,0	Không	Trung bình
96	12L2010107	Đinh Thị Huyền	Trang	07/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,19	0,0	Không	Khá
97	12L2010108	Đồng Thị	Trang	27/01/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,81	0,0	Không	Xuất sắc
98	12L2010111	Đỗ Thị	Tuyết	16/08/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	3,40	0,0	Không	Giỏi
99	12L2010112	Đặng Thị	Vân	20/06/1990	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,26	0,0	Không	Trung bình
100	12L2010113	Đỗ Thị	Vân	20/07/1988	Nữ	Hà Nam	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
101	12L2010114	Lã Thị	Vân	09/04/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,66	0,0	Không	Khá
102	12L2010115	Đỗ Hữu	Việt	02/08/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	2,51	0,0	Không	Khá
103	12L2020001	Nguyễn Lê	Duân	25/06/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,55	0,0	Không	Khá
104	12L2020002	Đoàn Anh	Dương	06/09/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,83	0,0	Không	Khá
105	12L2020003	Phạm Tấn	Đạt	23/09/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,68	0,0	Không	Khá
106	12L2020004	Phạm Thành	Lộc	07/09/1987	Nam	Hà Nam	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,83	0,0	Không	Khá
107	12L2020005	Nguyễn Thị Hoa	Mai	25/03/1991	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
108	12L2020007	Nguyễn Thị	Thắm	15/08/1990	Nữ	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	2,64	0,0	Không	Khá
109	12L2020008	Nguyễn Thị	Thanh	14/10/1990	Nữ	Nghệ An	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	47	47	3,26	0,0	Không	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
110	12L2020009	Hoàng Anh	Tuấn	15/05/1981	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
111	12L2020010	Nguyễn Văn	Tuyên	20/02/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐĐT 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>)	47	47	2,60	0,0	Không	Khá
112	12L2070001	Ngô Văn	Dân	23/06/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,91	0,0	Không	Khá
113	12L2070002	Đỗ Văn	Dũng	14/10/1978	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,28	0,0	Không	Giỏi
114	12L2070004	Trần Văn	Đại	16/11/1983	Nam	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,98	0,0	Không	Khá
115	12L2070005	Phạm Ngọc	Đạt	27/11/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,74	0,0	Không	Khá
116	12L2070006	Phạm Minh	Đức	18/01/1991	Nam	Lâm Đồng	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,43	0,0	Không	Trung bình
117	12L2070007	Trương Văn	Đức	20/04/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,09	0,0	Không	Khá
118	12L2070008	Phùng Tuấn	Hải	15/08/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,70	0,0	Không	Khá
119	12L2070009	Trần Văn	Hiên	27/10/1987	Nam	Đắk Lắk	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,55	0,0	Không	Khá
120	12L2070010	Nguyễn Đức	Hoàng	19/01/1990	Nam	Hải Phòng	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,09	0,0	Không	Khá
121	12L2070012	Nguyễn Trọng	Huy	25/01/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,81	0,0	Không	Khá
122	12L2070013	Đinh Đăng	Khuong	30/10/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,87	0,0	Không	Khá
123	12L2070014	Trịnh Quốc	Luận	06/02/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,09	0,0	Không	Khá
124	12L2070015	Nguyễn Văn	Mạnh	17/05/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,13	0,0	Không	Khá
125	12L2070017	Bùi Lê	Phú	20/04/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,94	0,0	Không	Khá
126	12L2070018	Trần Xuân	Phú	01/08/1989	Nam	Tuyên Quang	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,72	0,0	Không	Khá
127	12L2070019	Phạm Duy	Phương	15/12/1983	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,66	0,0	Không	Khá
128	12L2070020	Lê Thị	Quyên	15/06/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,09	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
129	12L2070021	Nguyễn Phương	Quyên	18/10/1991	Nữ	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,49	0,0	Không	Giỏi
130	12L2070022	Lê Thanh	Sơn	17/10/1989	Nam	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,34	0,0	Không	Giỏi
131	12L2070024	Nguyễn Hoàng	Thao	08/11/1991	Nam	Lào Cai	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,91	0,0	Không	Khá
132	12L2070025	Nguyễn Thị	Thảo	09/11/1988	Nữ	Hà Nam	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,04	0,0	Không	Khá
133	12L2070026	Vũ Đình	Thế	21/06/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,00	0,0	Không	Khá
134	12L2070027	Hoàng Ngọc	Thịnh	10/06/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
135	12L2070029	Mai Thị	Thủy	23/04/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,32	0,0	Không	Giỏi
136	12L2070030	Phạm Đình	Tiên	25/03/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	2,62	4,3	Không	Khá
137	12L2070032	Trần Huy	Trường	08/03/1975	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,26	0,0	Không	Giỏi
138	12L2070033	Trần Quang	Tuấn	27/11/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,51	0,0	Không	Giỏi
139	12L2070034	Lê Thị	Vân	16/12/1990	Nữ	Thanh Hóa	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ kỹ thuật điện</i>)	47	47	3,51	0,0	Không	Giỏi
140	12L2030001	Ngô Đức	Cường	21/05/1982	Nam	Thái Bình	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,32	0,0	Không	Giỏi
141	12L2030002	Phạm Tuấn	Duy	02/09/1987	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,45	0,0	Không	Giỏi
142	12L2030003	Nghê Thu	Giang	09/08/1983	Nữ	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,45	0,0	Không	Giỏi
143	12L2030004	Hoàng Mai	Hải	05/10/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,15	0,0	Không	Khá
144	12L2030005	Trần Thị	Hồng	19/05/1981	Nữ	Thái Bình	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,47	0,0	Không	Giỏi
145	12L2030006	Nguyễn Quang	Hợp	10/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
146	12L2030007	Trần Văn	Mùi	29/11/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,89	0,0	Không	Khá
147	12L2030008	Triệu Văn	Nghĩa	03/03/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,40	0,0	Không	Giỏi

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
148	12L2030009	Trần Hồng	Phương	19/01/1991	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,38	0,0	Không	Giỏi
149	12L2030010	Trần Trọng	Sinh	01/09/1987	Nam	Nam Định	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,30	0,0	Không	Giỏi
150	12L2030011	Lương Thanh	Sơn	13/01/1990	Nam	Hà Nam	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,79	0,0	Không	Khá
151	12L2030012	Phạm Huyền	Thanh	27/02/1987	Nữ	Ninh Bình	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,77	0,0	Không	Xuất sắc
152	12L2030013	Nguyễn Thế	Tín	03/01/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,17	0,0	Không	Khá
153	12L2030014	Nguyễn Văn	Tòng	25/02/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,47	0,0	Không	Trung bình
154	12L2030016	Nguyễn Văn	Tường	07/11/1991	Nam	Hải Dương	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	2,87	0,0	Không	Khá
155	12L2030017	Phạm Văn	Tuyên	30/11/1991	Nam	Hòa Bình	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,26	0,0	Không	Giỏi
156	12L2030018	Lê Văn	Tuyền	19/11/1989	Nam	Hải Dương	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,02	0,0	Không	Khá
157	12L2030019	Nguyễn Quang	Vĩnh	30/11/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-ĐKTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	47	47	3,11	0,0	Không	Khá
158	12L2040001	Nguyễn Văn	An	28/02/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,61	0,0	Không	Khá
159	12L2040002	Phạm Duy	An	28/11/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,67	0,0	Không	Khá
160	12L2040003	Trần Tuấn	Anh	13/12/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,39	0,0	Không	Giỏi
161	12L2040004	Vũ Duy	Bình	05/12/1983	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,48	0,0	Không	Giỏi
162	12L2040005	Trần Văn	Công	15/09/1987	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,15	0,0	Không	Khá
163	12L2040006	Nguyễn Như	Cương	13/10/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,98	0,0	Không	Khá
164	12L2040007	Mai Đức	Cường	04/05/1985	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,70	0,0	Không	Khá
165	12L2040009	Phạm Văn	Duy	17/08/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,46	0,0	Không	Trung bình
166	12L2040010	Đào Hải	Đặng	06/01/1989	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,00	0,0	Không	Khá
167	12L2040011	Vũ Văn	Điệp	10/01/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,91	0,0	Không	Khá
168	12L2040012	Vũ Văn	Đô	28/12/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,65	0,0	Không	Khá
169	12L2040013	Nguyễn Văn	Đức	28/12/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,78	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
170	12L2040014	Lưu Văn	Đường	03/12/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,98	0,0	Không	Khá
171	12L2040015	Trần Đăng	Hải	10/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,28	0,0	Không	Trung bình
172	12L2040016	Vũ Hữu	Hào	24/04/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,83	0,0	Không	Khá
173	12L2040017	Phạm Văn	Lâm	20/01/1990	Nam	Sơn La	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,74	0,0	Không	Khá
174	12L2040018	Ngô Văn	Lịch	06/07/1988	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,63	0,0	Không	Khá
175	12L2040019	Trần Văn	Minh	26/04/1987	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,74	0,0	Không	Khá
176	12L2040020	Phan Hữu	Nguyên	10/01/1985	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,35	0,0	Không	Trung bình
177	12L2040021	Nguyễn Văn	Phu	02/09/1982	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,83	0,0	Không	Khá
178	12L2040022	Lê Anh	Tân	25/09/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,07	0,0	Không	Khá
179	12L2040023	Vũ Khắc	Thanh	30/12/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,72	0,0	Không	Khá
180	12L2040024	Ngô Đình	Thành	15/09/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,00	0,0	Không	Khá
181	12L2040025	Phạm Văn	Thành	20/04/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,70	0,0	Không	Khá
182	12L2040026	Bùi Văn	Tiến	20/04/1991	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,07	0,0	Không	Khá
183	12L2040027	Phan Xuân	Trường	15/10/1988	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,33	0,0	Không	Trung bình
184	12L2040028	Bùi Thanh	Tuấn	21/01/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,52	0,0	Không	Khá
185	12L2040029	Lê Văn	Tuấn	05/03/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,93	0,0	Không	Khá
186	12L2040030	Nguyễn Văn	Tuấn	19/05/1986	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,54	0,0	Không	Khá
187	12L2040031	Nguyễn Bá	Tuệ	08/01/1987	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,89	0,0	Không	Khá
188	12L2040032	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1991	Nam	Hải Phòng	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,22	0,0	Không	Trung bình
189	12L2040033	Trần Thanh	Tùng	11/12/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	3,00	0,0	Không	Khá
190	12L2040034	Phạm Văn	Vạn	15/05/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,98	0,0	Không	Khá
191	12L2040035	Trần Minh	Vương	10/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,54	0,0	Không	Khá
192	12L2040036	Phạm Văn	Vượng	10/05/1991	Nam	Thái Bình	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,63	0,0	Không	Khá
193	12L2040037	Phạm Văn	Xuân	08/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CTM 6	2012	Công nghệ chế tạo máy	46	46	2,35	0,0	Không	Trung bình
194	12L2060001	Vũ Văn	Diện	03/08/1981	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,98	0,0	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
195	12L2060002	Vũ Văn	Diện	18/07/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,35	0,0	Không	Trung bình
196	12L2060003	Tổng Minh	Giám	01/10/1991	Nam	Ninh Bình	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,72	0,0	Không	Khá
197	12L2060004	Nguyễn Văn	Hòa	18/11/1988	Nam	Thái Bình	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,96	0,0	Không	Khá
198	12L2060005	Trần Văn	Hòa	14/02/1991	Nam	Hà Nam	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,74	0,0	Không	Khá
199	12L2060009	Nguyễn Đình	Quang	01/12/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,41	0,0	Không	Trung bình
200	12L2060010	Tô Vũ Văn	Quyết	12/09/1990	Nam	Nghệ An	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,65	0,0	Không	Khá
201	12L2060011	Nguyễn Tất	Thắng	02/06/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,50	0,0	Không	Khá
202	12L2060012	Nguyễn Xuân	Toàn	15/04/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,98	0,0	Không	Khá
203	12L2050001	Trần Trung	Cảnh	09/03/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,96	0,0	Không	Khá
204	12L2050002	Nguyễn Tiến	Dũng	16/12/1980	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,98	0,0	Không	Khá
205	12L2050003	Đồng Văn	Dụng	25/12/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,78	0,0	Không	Khá
206	12L2050004	Phạm Tá	Hải	20/07/1987	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	3,35	0,0	Không	Giỏi
207	12L2050006	Trần Hoàng	Long	20/12/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,54	0,0	Không	Khá
208	12L2050007	Dương Văn Thành	Nam	27/07/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,96	0,0	Không	Khá
209	12L2050008	Lê Văn	Nam	16/06/1990	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,57	0,0	Không	Khá
210	12L2050009	Phạm Hoài	Nam	19/09/1982	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	3,63	0,0	Không	Xuất sắc
211	12L2050010	Trịnh Ngọc	Quyết	02/08/1985	Nam	Hà Nam	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,93	0,0	Không	Khá
212	12L2050011	Đỗ Tất	Thắng	15/03/1988	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,59	0,0	Không	Khá
213	12L2050012	Nguyễn Văn	Thanh	06/02/1986	Nam	Ninh Bình	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	3,52	0,0	Không	Giỏi
214	12L2050013	Lê Mạnh	Thường	10/02/1981	Nam	Hà Nam	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	3,20	0,0	Không	Giỏi
215	12L2050014	Võ Văn	Tiến	03/03/1990	Nam	Nghệ An	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,43	0,0	Không	Trung bình

BẢNG
 TÍNH
 ĐIỂM

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
216	12L2050015	Bùi Đình	Trường	10/10/1982	Nam	Thanh Hóa	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	3,46	0,0	Không	Giỏi
217	12L2050016	Nguyễn Văn	Tuấn	18/04/1982	Nam	Nam Định	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,80	0,0	Không	Khá
218	12L2050017	Phạm Quốc	Việt	19/12/1988	Nam	Hải Dương	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	46	2,35	0,0	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 218 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - KHÓA 4, ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG - KHÓA 5
CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC**

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 573/QĐ-ĐHSPKTND ngày 25 tháng 6 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	0941010013	Đinh Đăng Đoàn	20/05/1989	Nam	Hà Nam	ĐK-Tin 4	2009	Tin học ứng dụng	140	140	2,93	1,4	Không	Khá
2	0941020014	Trần Văn Dũng	20/10/1988	Nam	Nam Định	ĐK-ĐĐT 4	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	136	136	2,20	4,4	Không	Trung bình
3	0941030022	Nguyễn Văn Quyết	03/09/1991	Nam	Hải Dương	ĐK-KTĐ 4	2009	Công nghệ kỹ thuật điện	133	133	2,36	10,5	Không	Trung bình
4	0941050039	Hoàng Văn Tuấn	10/07/1990	Nam	Thanh Hóa	ĐK-CTM 4	2009	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,06	11,0	Không	Trung bình
5	1162070005	Hoàng Bái Công	16/09/1981	Nam	Thái Bình	ĐLC-Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,00	0,0	Không	Trung bình
6	1162070026	Trịnh Văn Linh	24/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 5	2011	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	46	2,09	13,0	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 06 SV



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG - KHÓA 13 CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số. *533*/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày *25* tháng... *6* năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	10GC730008	Hoàng Văn Doanh	04/06/1992	Nam	Nam Định	CK-KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,32	10,3	Không	Trung bình
2	10GC730019	Trần Xuân Hùng	02/02/1991	Nam	Nam Định	CK-KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,21	8,2	Không	Trung bình
3	10GC740003	Mai Văn Bộ	25/07/1992	Nam	Nam Định	CK-ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,06	0,0	Không	Trung bình
4	10GC770007	Vũ Anh Dũng	20/04/1992	Nam	Thái Bình	CK-Ôtô 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,39	4,1	Không	Trung bình
5	10GC770044	Trần Văn Toàn	20/10/1990	Nam	Nam Định	CK-Ôtô 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,31	5,2	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 05 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG - KHÓA 6

Chưa được công nhận tốt nghiệp đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 573/QĐ-ĐHSPKTND ngày 21 tháng 6 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (chuyên ngành đào tạo)	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	12L2010005	Trần Tuấn Anh	29/06/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	40	2,45	10,6	
2	12L2010024	Phùng Trọng Hiệp	16/12/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6A	2012	Công nghệ thông tin	47	38	1,92	14,9	
3	12L2010067	Vương Thị Điệp	16/10/1991	Nữ	Hà Giang	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	45	2,16	4,3	
4	12L2010069	Nguyễn Văn Hà	26/02/1990	Nam	Bắc Giang	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	42	1,90	17,0	
5	12L2010109	Nguyễn Thế Trọng	05/09/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-CNTT 6B	2012	Công nghệ thông tin	47	47	1,91	4,3	
6	12L2070003	Vũ Văn Duy	11/02/1989	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	47	39	2,10	21,3	
7	12L2070011	Bùi Việt Hùng	20/06/1987	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	47	41	2,34	12,8	
8	12L2070023	Đinh Tiến Thành	08/03/1987	Nam	Ninh Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	47	45	2,49	4,3	
9	12L2070028	Ninh Văn Thu	25/08/1990	Nam	Nam Định	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	47	45	2,33	4,3	
10	12L2070031	Lưu Văn Tiến	18/07/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-KTĐ 6	2012	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	47	45	2,24	4,3	
11	12L2060006	Hoàng Thiện Huy	04/09/1991	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	43	2,07	6,5	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
12	12L2060007	Nguyễn Xuân	Kiên	08/12/1989	Nam	Hà Nam	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	35	2.37	23.9	
13	12L2060008	Nguyễn Vũ Thành	Lê	21/08/1985	Nam	Nam Định	ĐLC-Ôtô 6	2012	Công nghệ kỹ thuật ô tô	46	23	2.70	50.0	
14	12L2050005	Đình Văn	Long	12/12/1990	Nam	Thái Bình	ĐLC-CK 6	2012	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ hàn)	46	44	2.93	4.35	

Ấn định danh sách 14 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa



DANH SÁCH 01 SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG NGHỀ - KHÓA 1
VÀ 02 SINH VIÊN CAO ĐẲNG - KHÓA 13

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 9.12/QĐ-ĐHSPKTND ngày 22 tháng 6 năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Chi chú
1	1163010043	Nguyễn Nhật Minh	29/09/1990	Nam	Nam Định	ĐLN-CNTT 1B	2011	Công nghệ thông tin	76	76	2,41	5,3	
2	10GC720060	Trần Tất Vượng	29/03/1992	Nam	Nam Định	CK-ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,32	7,2	
3	10GC770042	Vũ Ngọc Tiến	06/02/1992	Nam	Nam Định	CK-Ôtô 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,04	8,3	

Ấn định danh sách 03 SV

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa